

Thành phố Thủ Đức, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Số: 669/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 376/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Trần T, sinh năm 1984.
- Ông Trần T1, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: số abc Ích Thạnh, tổ 6, khu phố Phước Hiệp, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Trần T1 và bà Trần T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp ngày 22/01/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T1, bà T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông T1, bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn: vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ông T1, bà T đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Ông T1, bà T đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét tình trạng hôn nhân của ông T1, bà T đã trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T1, bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần B, sinh ngày 27/10/2012. Ông T1, bà T thỏa thuận: Con chung do bà Trần T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Ông Trần T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Thỏa thuận này của ông T1, bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ B tại Tờ trình bày nguyện vọng ngày 07/3/2022 nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông T1, bà T tự khai không có.

[4] Về nợ chung: Ông T1, bà T tự khai không có.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T1 và bà Trần T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp ngày 22/01/2010 cho ông Trần Thanh T1, bà Trần T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần B, sinh ngày 27/10/2012 cho bà Trần T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Ông Trần T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T1, bà T tự khai không có.

- Về nợ chung: Ông T1, bà T tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Trần T1, bà Trần T mỗi người chịu một nửa, được căn trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông T1, bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0026162 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1, bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- UBND X. Hưng Mỹ, H. Cái Nước, T. Cà Mau.
- VKSND TP Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoi